

Bản án số: 386 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-10- 2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Hữu Trí

2/ Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm: 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang

Tạm trú: Tổ 3, Ấp Bình Y, xã Bình T, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 6/7/2020, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, An Giang. Sau khi kết hôn chị T về chung sống với gia đình

cha mẹ anh. Đến năm 2006 vợ chồng có nhà riêng, cất trên nền đất của cha mẹ anh cho, làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong giải quyết, xử lý chuyện nội bộ gia đình, chị T gây nợ nần, từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa, sau đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, rồi đi làm ở trên thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Thời gian ly thân anh có đi tìm chị Thđi làm ở Thành phố thì anh phát hiện chị T đã có người đàn ông khác, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Thị T

- Về con chung: có 02(hai) con chung tên: Trần Trọng P, sinh ngày 03/9/2004 và cháu Trần Trọng H, sinh ngày 05/01/2009. Hiện cháu H đang sống với anh L, còn cháu P đang sống với chị T. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu nuôi hai con nhưng nay cháu P có nguyện vọng sống với mẹ thì sau ly hôn anh đồng ý giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đoàn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đoàn Thị T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh L. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của chị T tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì chị T hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 12, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang, nhưng chị T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L ly hôn với chị T. Về con chung: Đề nghị giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng, cháu H cho anh L nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đoàn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Đoàn Thị T kết hôn vào năm 2003, hôn nhân do mai mối, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn anh L trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn anh và chị T chung sống với cha mẹ của anh, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng luôn bất hòa trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Vợ chồng anh chị ly thân hơn một năm nay. Xét thấy với thời gian gần chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng chị Th cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của anh L. Theo xác minh bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột chị Th) cho biết giữa chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Từ năm 2019 thì T về nhà bên bà sinh sống, hiện tại T đi thành phố làm công nhân, theo bà thì khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa T và anh L là không còn. Hiện tại anh L xác định không còn tình cảm với chị T, Tại tòa anh vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của anh L và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02(hai) con chung tên: Có 02(hai) con chung tên: Trần Trọng P, sinh ngày 03/9/2004 và cháu Trần Trọng H, sinh ngày 5/01/2009. Hiện cháu H đang sống với anh L, còn cháu P đang sống với chị T. Sau ly hôn anh đồng ý giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 8/9/2020 cháu P cũng có nguyện vọng sống với chị T, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Còn đối với cháu H tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 cháu có nguyện vọng sống với anh L. Ngoài ra từ nhỏ đến nay cháu sống với anh L, được anh chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để chị Th được tiếp tục nuôi cháu P và anh L được tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp. Anh L thì không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Còn chị T thì không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành cho chị T quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi chị Th có yêu cầu. Anh L và chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh, chị thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Văn L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Trần Văn L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn L. Cho ly hôn giữa anh Trần Văn L và chị Đoàn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 175/KH, ngày 20/10/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Trần Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Trọng H, sinh ngày 5/01/2009 và chị Đoàn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Trọng P, sinh ngày 03/9/2004. Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành cho chị T quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi chị T có yêu cầu. Anh L và chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau được quyền tới lui chăm sóc cháu P và cháu H, không ai được cản trở khi anh, chị thực hiện quyền này

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Văn L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007107 ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Anh Trần Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/10/2020). Chị Đoàn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung